

VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN

音 圓



VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN

*Tạp-chí chuyên-chủ về đạo Phật, do Annam Phật-học-hội
(S. E. E. R. B. A.) xuất-bản.*

Chủ-nhiệm : Hội-trưởng hội Annam Phật-học : S. E. ỨNG-BÀNG.

Chủ-Bút : Giáo-lý kiểm-đuyệt : Ông LÊ-ĐÌNH-THÁM.

Thơ-từ bài-vở, xin gửi cho :

Annam Phật-học-hội Tổng-trị-sự

Boite postale N° 73 Huế.

Ngân-phiếu trả tiền báo, xin đề tên :

Ông PHẠM-QUANG-HÒE

Treasor Huế.

Giá báo : 12 số = 2\$00 ; 6 số = 1\$10 ; mỗi số = 0\$20

*Hội-viên hội Annam Phật-học muốn hưởng 25%/, xin do
các Hội-trưởng tỉnh-hội gửi mua.*

Các ngài muốn khảo-cứu triết-lý của đạo Phật,

Các ngài muốn biết rõ tâm-tánh của mình,

*Các ngài muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ
hoàn-toàn,*

Hãy luôn luôn đọc

VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN





Cùng toàn-thể hội-hữu Hội Annam Phật-Học

Quan-âm thẩm-thoát, đông hết xuân về, năm Canh-Thìn đã qua năm Tân-Tỵ vừa đến, hồi-tưởng lúc Hội chúng ta mới thành-lập, đến nay đã hơn chín năm, xiết bao dịp may-mắn, bước khó-khăn, nhưng cũng đã trải qua một khúc khá dài trên con đường lợi-sanh hoằng-pháp.

Số hội-viên càng ngày càng đông, ảnh-hưởng nơi quần-chúng càng ngày càng lớn, nhìn lại hiệu-quả đã thành-tựu mà mừng thầm, mà chứa-chan hy-vọng về tương-lai.

Tương-lai! nói đến tương-lai chỉ cho khỏi bùi-ngùi lo-ngại; thế-sự sẽ thế nào? hoàn-cảnh sẽ thế nào? biết bao nhiêu trường-hợp sẽ có ảnh-hưởng lớn đến công-trình Hội mà hiện nay đương còn là những dấu hỏi.

Song kinh Phật có dạy: «Nhất thể duy tâm tạo»; Thế-sự theo tâm-niệm mà đổi dữ làm lành, hoàn-cảnh theo tâm-niệm mà đổi tốt ra xấu, chúng ta chỉ nên thận-trọng về phương-diện tu-nhờa thì, trên nhờ tam-bảo gia-hộ, dưới được chúng-sanh hoan-nginh, quyết định tương-lai sẽ có kết-quả mỹ-mãn.

Hiện nay công việc mỗ-mang, phạm-vi to-tát, ban Tri-sự chuyên về việc quản-trị, lắm khi còn không đủ ngày giờ; vậy toàn-thể hội-hữu cần phải đồng đứng dậy chung

lo công việc hoằng-pháp lợi-sanh của Hội. Cái phương châm của toàn-thề Hội chúng ta trong năm Tân-Tỵ này sẽ tóm lại trong ba điều là: Chánh-giải, trật-tự và tinh-tấn.

1) *Chánh-giải*. — Chánh-giải là nhận biết một cách đúng-đắn: nhận biết những yếu-điểm của Phật-giáo ra ngoài các điều dị-đoan mê-tín, nhận biết đều thiện đều ác, lẽ phải lẽ trái, nhận biết điều-lệ và qui-tắc của Hội, nhận biết mục-đích tu-học truyền-bá Phật-pháp và lợi-lạc hữu-tinh của Hội, nhận biết quyền-hạng và trách-nhiệm của các chức-vụ, các hàng hội-viên để tránh khỏi các sự ngộ-nhận rất đáng tiếc. /

2) *Trật-tự*. — Trật-tự là giữ trật-tự theo điều-lệ của Hội, theo quyền hạng trách-nhiệm của mình. Toàn-thề hội-hữu nên nhận mình như những bộ-phận của một thân-thề, mỗi bộ-phận đều có công-việc riêng, kết-quả chung của công-việc ấy là cái sức-mạnh và cái sự-nghiệp của thân-thề. Một bộ-phận chậm-yếu có ảnh-hưởng đến toàn thân! Một bộ-phận đình-trệ có thể làm cho toàn thân đau-ốm không làm gì được! Kết-quả tương-lai của công-việc Hội toàn do nơi trật-tự; trong Hội đủ trật-tự, mỗi hội-hữu đều làm tròn phận-sự thì lo gì mục-đích của Hội không thành-tựu.

3) *Tinh-tấn*. — Tinh-tấn là bước tới chỗ tinh-túy. Vậy tinh-tấn không phải gặp việc gì cũng làm mà cốt phải lựa chỗ tinh-túy mà bước tới.

Toàn-thề hội-hữu muốn được chánh-giải, được trật-tự thì cần phải tinh-tấn luôn; Tinh-tấn về mặt tham-học, tinh-tấn về mặt tu-hành; làm thế nào cho năm sau hơn năm trước, tháng sau hơn tháng trước, mới gọi là tinh-tấn.

Về phần tham-học lẽ tất-nhiên là tùy theo cảnh-ngộ căn-cơ của mỗi người nhưng miễn có chí thì không lúc nào là không thể tham-học. Người biết chữ Nho thì tìm học kinh chữ Nho, người biết quốc-ngữ chữ Pháp

thì tìm học các trước thuật bằng quốc-văn hay chữ Pháp, đầu những người không biết chữ cũng có thể hỏi các bậc kiến-thức trong Hội để nhận biết những điều cốt-yếu trong đường tu-hành, gặp sự nghi-hoặc lại có thể viết thư hỏi Tổng-trị-sự, thì quyết-định có ngay hiểu rõ Phật-pháp. Huống chi hiểu rõ Phật-pháp, không phải là coi được nhiều kinh, nghe được nhiều người, mà chính là nhận chắc ý-nghĩa của Phật-pháp, đầu chỉ trong một bài kinh, một câu kệ cũng đủ. Hiểu rõ Phật-pháp cốt do sự suy-nghiệm; mà coi rộng nghe nhiều chỉ giúp cho sự suy-nghiệm được dễ-dàng mà thôi. Nhờ công tham-học mà hội-hữu nhận biết đúng đắn, tin chắc tam-bảo, tin chắc nhơn-quả, thấy rõ chánh-đạo và có thể tu-hành vững-vàng, không sợ sai-lạc.

Về mặc tu-hành thì toàn-thể hội-hữu cần phải thiết-hành các thiện-sự và thiết-hành tự-giác giác-tha. Thiết-hành các thiện-sự là giữ ngũ-giới, tu-thập-thiện, hằng ngày nhơn-ái siêng-năng làm tròn bổn-phận mình trong Hội và ngoài Hội. Thiết-hành tự-giác giác-tha là đoạn-trừ phiền-não và truyền-bá Phật-pháp, đem chỗ tin chỗ hiểu chắc-chắn của mình mà dạy người. Trong gia-đình thì dạy vợ dạy con, trong họ-hàng thì dạy các thân thuộc, trong xã-giao thì dạy những người quen biết, hằng ngày treo gương đức-hạnh cho mọi người soi chung, thế là truyền-bá Phật-pháp.

Ba điều vừa nói trên là những yếu-điểm sẽ làm cho công việc tương-lai của Hội được thành-tựu viên-mãn.

Đồng một tín-ngưỡng, đồng một chí-nguyện, đồng một mục-dích, toàn-thể hội-hữu chúng ta trong lúc đầu năm này hãy chúc nhau được Phật gia-hộ cho đạt đến ba yếu-điểm: Chánh-giải, Trật-tự và Tinh-tấn, hầu mong cùng tất cả chúng-sanh, đồng thành Phật-đạo.

Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mưu-Ni Phật.

PHẬT-GIÁO YẾU-ĐIỂM

Ly-dục.

Ly-Dục là rời năm thứ muốn gọi là ngũ-dục. Ngũ-dục là :

- 1.) Muốn của,
- 2.) Muốn sắc,
- 3.) Muốn danh,
- 4.) Muốn ăn,
- 5.) Muốn ngủ.

Người đời thường bị năm thứ muốn ấy sai-khiến : người muốn của thì muốn tiền, muốn bạc, muốn ruộng, muốn nhà ; người muốn sắc thì muốn trai thanh gái lịch, diện-thứ tỷ-thiếp ; người muốn danh thì muốn chức cả quyền cao, tiếng hay danh tốt ; người muốn ăn thì muốn cao-lương mỹ-vị, rượu ngon vật lạ ; người muốn ngủ thì muốn thanh-nhàn vô-sự, ăn không ngồi rồi. Các sự muốn ấy làm cho lòng người xao-xuyến, được một thì muốn hai, được hai thì muốn bốn, không lúc nào mãn-nguyện nên cũng không lúc nào được an-vui. Lại chính vì lòng muốn của mình không ngăn-mé mà không tự nhận biết, nên đến khi muốn không được thì đổ lỗi cho người, nhưn đó sanh ra cạnh-tranh xung-đột làm cho nhơn-loại chịu lắm đau-tàn-hại. Xét cho kỹ thì cái vui chỉ do thỏa-mãn sự hy-cầu mà phát-sanh. Song hy-cầu nơi ngũ-dục thì được cái này muốn cái khác, biết bao giờ cho thỏa-nguyện, biết bao giờ chắc chắn được vui. Vậy muốn vui thì phải hy-cầu cái ly-dục.

Cái ly-dục có từng bậc, có khuôn-khổ rõ-ràng, chớ không phải không có bờ-bến như ngũ-dục. Lại cái ly-dục là thuộc về tinh-thần, không cần tranh dành với ai nên tránh khỏi các sự xung-đột. Người được ly-dục thì lúc nào cũng an-vui, gặp nghịch-cảnh cũng vui với cái ly-dục, gặp thuận-cảnh cũng vui với cái ly-dục nên tránh được các sự khổ-não. Ngũ-dục làm hại cho người đời nhiều lắm. Vì ngũ-dục mà sanh ra lo buồn tức-giận, vì ngũ-dục mà sanh ra cạnh-tranh xâu-xé, vì ngũ-dục mà sanh ra đối-trá gian-tham, vì ngũ-dục mà sanh ra rừng tên mưa đạn, vậy muốn cho tâm-thần vui-về, thiên-hạ thái-bình, không chi bằng khuyên-bảo mọi người tu phép ly-dục.

Ly-thần

Tu phép ly-dục, tự khi mới bắt đầu rời ngũ-dục, lần lần tâm được định-tĩnh, không cần rời mà cũng không hề muốn, cho đến phóng-xả hết những sự mừng vui, giữ một tâm yên-lặng ra ngoài các điều vui-khổ thế-gian thì đã cao-siêu lắm rồi, nhưng cái tâm còn cuộ vào trong thân thì không được rộng-rãi siêu-thoát; hơn vậy nên có phép ly-thần. Phép tu ly-thần là rời hẳn cái thân, xem cũng như không có, và để cái tâm rộng-lớn bao-la trùm khắp thái-hư, không còn hình tướng gì làm ngăn ngại. Phép ly-thần cũng có từng bậc, đến phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ thì đã trừ bỏ gần hết các tướng-tượng và đã đến chỗ tốt bậc trong tam-giới.

(còn nữa)



ĐẠI-Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

(Tiếp theo)

Phật dạy cho biết Nhơn-quả đều thường, đúng với
nghĩa quyết-định thứ nhất

Ông A-Nan sau khi nghe Phật dạy hai nghĩa quyết-định và sự niêm-trạm nơi sáu căn, thì nghĩ rằng: không thể từ nơi sáu căn mà được quả thường-trú của Như-Lai. Nơi quả-vị Như-Lai, đầu lấy chỗ giác-ngộ mà gọi là Bồ-Đề, lấy chỗ vắng-lặng mà gọi là Niết-Bàn, lấy chỗ tuyệt-đối mà gọi là Chơn-Như, lấy chỗ thường-trú mà gọi là Phật-tánh, lấy chỗ thanh-tịnh mà gọi là Yêm-ma-la-thức (vô-cấu-thức), lấy chỗ vô-sở-dắc mà gọi là không-như-lai-tạng, lấy chỗ tịch-chiều mà gọi là đại-viên-kính-trí, danh-từ tuy khác mà thể-tánh vẫn thanh-tịnh viên-mãn, chắc-chắn thường-trú. Còn sáu căn thì đối với các trần mà hiện, có trần là có, không trần là không. Vậy theo nghĩa quyết-định thứ nhất, không thể đem sáu căn làm cái Nhơn-tu-hành mà được cái quả thường-trú. Huống chi xét-nghiệm chín-chảo, không có gì đáng gọi là ngã, là ngã tâm, là ngã-tâm-sở, thì biết lấy gì làm cái Nhơn, thường-trú mà tu-trì. Tuy trong các đoạn trước, Phật đã dạy rằng căn-tánh là thường-trú, nhưng đã trái với hiện-trạng thì cũng chỉ là lý-luận thôi. Nhơn đó, ông A-Nan xin Phật chỉ-dạy cách nhận rõ tánh thường-trú của sáu căn.

Phật thấy ông A-Nan tuy học rộng nghe nhiều, biết các điều diên-đảo, nhưng chưa nhận được cái diên-đảo nơi thực-hiện; nên Phật lại đem các sự trần-tục mà chỉ-vẽ.

Phật bảo ông La-hầu-La đánh một tiếng chuông rồi hỏi ông A-Nan: “Có nghe không?” thì ông A-Nan và đại chúng đều nói: “có nghe”. Tiếng chuông hết, lại hỏi, thì ông A-Nan và đại-chúng đều nói: không nghe. Phật bảo đánh chuông một lần nữa, hỏi lại rõ-ràng, rồi bảo ông A-Nan cắt nghĩa

thế nào là có nghe, là không nghe, thì ông A-Nan và đại-chúng đều bạch rằng : “Tiếng chuông đánh lên thì có nghe đánh lâu hết kêu thì không nghe”.

Phật lại bảo ông La-hầu-La đánh chuông, rồi hỏi ông A-Nan : “Có tiếng không ?” ông A-Nan và trong đại-chúng đều đáp : “Có tiếng”. Tiếng chuông hết, Phật lại hỏi thì ông A-Nan và đại-chúng đều đáp : “Không tiếng”, ông La-bầu-La đánh chuông một lần thứ hai, Phật cũng hỏi lại rõ ràng, rồi bảo ông A-Nan cắt-nghĩa thế nào là có tiếng, thế nào là không tiếng. Ông A-Nan và trong đại-chúng đều thưa : “tiếng chuông đánh lên thì có tiếng, đánh lâu hết kêu thì không tiếng”. Phật nhơn đó chỉ rõ cái điên-đảo hiện-tiền của chúng-sanh, nhận cái tiếng làm cái nghe, nhận các trần làm căn-tánh. Như trong đại-chúng, vì tiếng chuông hết mà nói là không nghe, chớ nếu thiệt không nghe thì đem cái gì mà nghe được tiếng chuông thứ hai ! Thiệt ra thì cái tiếng khi sanh khi diệt, khi có khi không, mà tánh nghe vẫn thường-trú, không vì các tiếng mà hóa ra có, không, sanh, diệt. Thế thì biết bản-tánh của sáu căn là thường, chỉ vì chúng-sanh mê-lầm, nhận trần làm căn, nhận vật làm mình, nên in tưởng là sanh-diệt, mà thôi.

Chẳng những vậy, chính trong khi ngũ, không hề nhớ đến các điều phân-biệt, mà tánh nghe vẫn nguyên-hiện.

Vô-thủy vô-thủy, tâm chúng-sanh theo sắc-thanh mà lưu-chuyển nên không ngộ được bản-tánh viên-thường, cứ mãi mãi theo cái sanh-diệt mà không theo tánh thường, nên mới xoay vần mãi trong vòng nhiễm-ô chấp-trước. Nếu ngược lại thói cũ, rời các tiền-trần, bỏ các sanh-diệt, giữ cái chơn-thường yên-lặng sáng-suốt, thì cái vọng-tưởng tạo-thành trần cảnh, cái phân-biệt tạo-thành nhiễm-ô đều tiêu-trừ, và cái tâm trong-suốt thường-trú liền hiện ra thành cái nhơn-địa đề tu-hành cho đến quả thường-trú.

Hết quyển thứ tư (còn nữa).

KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

DIỄN NGHĨA

(tiếp theo)

Ông A-Nan bạch Phật rằng: «Thưa Thế-Tôn, Như-Lai tuy nói nghĩa quyết-định thứ hai, song tôi xem những người mở gút trong thế-gian, nếu không biết đầu gút ở đâu, thời chắc không thể nào mở được. Thưa Thế-Tôn, tôi và hàng hữu-học thanh-văn trong Hội này cũng in như vậy. Vì từ thời-gian vô-thủy đều sanh-diệt với các cái vô-minh, nên nay tuyặng cái thiện-căn đa-văn thế này, tiếng là xuất-gia nhưng cũng như người rết cách ngày. Xin nguyện đức Đại-Tử thương-xót kẻ chìm-dắm, chỉ nơi thâm-tâm hiện nay thế nào là gút, do đâu mà mở, và khiến cho các chúng-sanh khổ-nạn tương-lai được khỏi luân-hồi, không sa vào ba cõi. «Ông A-Nan nói lời ấy rồi, cùng cả đại-chúng, nắm vốc gieo xuống đất, khóc-lóc thành-khần, đợi lời khai-thị vô-thượng của đức Như-Lai.

Khi bấy giờ đức Thế-Tôn thương-xót ông A-Nan và các hàng hữu-học trong Hội, lại cũng vì hết thấy chúng-sanh trong đời vị-lai, tạo cái Nhơn xuất-thế, làm cái đạo nhân tương-lai; Ngài lấy tay sáng-suốt như vàng Diêm-phù-đàm rờ đánh ông A-Nan. Liền khi ấy, trong các cõi Phật mười phương, sáu thứ đều rung-động; trong các cõi ấy, các đức Như-Lai, số như vi-trần, mỗi mỗi đều có hào-quang báu từ nơi đánh phát ra. Các hào-quang ấy đồng thời từ thế-giới kia đến rừng Kỳ-Đà, rọi nơi đánh của Như-Lai. Tất cả đại-chúng đều được cái chưa từng có. Khi ấy

ông A-Nan và cả đại-chúng đều nghe các đức Như-Lai thập phương số như vi-trần, khác miệng đồng lời bảo ông A-Nan rằng: «Hay thay! A-Nan! Ông muốn biết cái cu-sanh vô-minh là cái gút khiến ông phải luân-hồi sanh-lử thì chính là sáu căn của ông chứ không có vật gì khác. Ông lại muốn biết cái vô-thượng bồ-đề khiến cho ông mau chứng an-vui, giải-thoát, vắng-lặng, diệu-thường thì cũng chỉ là sáu căn của ông, chứ không vật gì khác ».

Ông A-Nan tuy nghe pháp-âm như vậy, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật: «Làm sao lại khiến tôi luân-hồi sống chết hay an-vui diệu-thường, cũng đều là sáu căn chứ không vật gì khác? ».

Phật bảo ông A-Nan: «Căn và trần đồng một nguồn, cội và thoát không phải hai, tánh phân-biệt là luống-dối, như hoa đốm giữa hư-không.

A-Nan, do trần mà phát ra cái biết (kiến), như căn mà thành ra có tướng, cái tướng và cái kiến đều không có tánh, đồng như cây lau gát lại với nhau. Vậy nên ông nay nơi tri-kiến mà lập ra tri, tức là gốc vô-minh; nơi tri kiến mà không có kiến tức là chơn-tịnh-vô-lậu của Niết Bàn; làm sao trong ấy lại còn dung được vật gì khác.

Khi bây giờ, đức Thế-Tôn muốn lập lại nghĩa này mà nói bài kệ rằng:

« Nơi chơn-tánh, hữu-vi là không,
Vi duyên-sanh nên in như-huyền;
Vô-vi thì không sanh không diệt,
Chẳng thiết như hoa đốm hư-không.
Nói vọng đề chỉ rõ cái chơn,
Vọng chơn ấy cả hai đồng vọng;
Còn không phải chơn với phi-chơn,

Làm sao có năng-kiến sở kiến ;
Thực ở giữa không có thực-tánh,
Vây in như hình lau gát nhau.
Cột và mõ đồng một sở-nhơn,
Thánh và phàm không có hai đường ;
Ông bầy xét tánh hình lau gát,
Đâu phải là có hay là không ;
Mê-mờ đó tức là vô minh,
Phát-minh ra liền được giải-thoát.
Mở gút phải nhơn theo thứ lớp,
Mở cả sáu thì một cũng quên ;
Nơi cần lựa-chọn tánh viên-thông,
Nhập-lưu thì thành bậc Chánh-giác,
Thức Đà-Na vi-tế khó nhận,
Giống tạp-khí thành giòng nước giốc ;
Đề mê là chơn hay phi-chơn,
Nên ta thường chẳng khai-diễn đến,
Tự-tâm trở chấp lấy tự-tâm,
Tánh phi-buyền mới thành pháp-huyền,
Không chấp-trước thì không phi-huyền,
Phi-huyền mà còn không sanh thay,
Pháp-huyền làm sao an-lập đặng !
Ấy gọi Như-huyền Tam-Ma-Đề,
Bảo-giác chắc như Kim-Cang-Vương,
Không nhiễm-tịnh như Diệu-Liên-Hoa,
Gãy móng tay vượt hàng vô-học ;
Cái pháp không thể so-sánh ấy,
Là đường vào Niệt-Bàn duy-nhất,
Của các đức Thế-Tôn mười phương».

(còn nữa)

Bất-tư-nghĩ

Chúng ta thường thấy trong kinh Phật dạy nhiều cảnh-giới rất khó tưởng-tượng như cảnh-giới xã-niệm-tbanh-tĩnh của tứ-thuyền, cảnh-giới phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ của Tứ-không, cảnh-giới vô-ngã của các bậc Tu-Đà-hoàn, cảnh-giới chơn không của Càng-huệ-địa ; và dạy những cảnh-giới bất-khả-tư-nghĩ như cảnh-giới vô-như-niết-bàn của bất A-la-hán, cảnh-giới chơn-như của bậc Bồ-tát đã đăng-địa, cho đến cái bất-tư-nghĩ huân, bất-tư-nghĩ biến của Đề-bát-thức, cái bất-tư-nghĩ tánh của chơn-tâm, cái thể-đại, tướng-đại, dụng-đại bất-tư-nghĩ của pháp-giới.

Bất-tư-nghĩ. — nghĩa là không thể nghĩ được, không thể bàn được ; Không thể nghĩ, không thể bàn, lẽ ra lại càng không thể biện-giải chỉ vì nơi các ngoại-đạo lắm khi cũng có những điều gọi là bí-mật không cho n-hĩ đến, không cho bàn đến, in tuồng như lý-nghĩa bất-tư-nghĩ của đạo Phật, nên cần phải phân-biệt rõ-ràng để khỏi lầm-lộn chánh-pháp với tà-pháp.

Các ngoại-đạo đến những chỗ phi-lý, không thể bâu-chứa thì nói là chỗ bí-mật, chỉ được phép tin chứ không được phép suy-nghĩ bàn-giải, vì quá tâm lượng của người. Tuy vậy họ vẫn bắt buộc phải công-nhận trước những chỗ phi-lý ấy, rồi họ mới nương theo đó mà đặt ra các hệ-thống, các luật-lệ của một tôn-giáo. Thế cũng như lắt buộc công-nhận trước ba cục đất nhúm bếp là một gia-đình tảo-quân, rồi nhờ đó, định lệ rằng hơi áo quần ướt nơi bếp là phạm tội bất-kính.

Nghĩa Bất-tư-nghì của đạo Phật thì khác hẳn. Đạo Phật lúc nào cũng từ chỗ dễ chỉ lần đến chỗ khó, từ chỗ thấp chỉ lần đến chỗ cao, do những chỗ thiết biết chắc-chắn mà đưa đến chỗ khó biết, do chỗ khó biết mà đưa đến chỗ khó tưởng, rồi mới do chỗ khó tưởng mà đưa đến những chỗ mà tâm-tri thông-thường của loài người không thể bàn nghĩ đến.

Cách kiến-thiết của đạo Phật rất chắc-chắn, không hề bất-buộc phải tin suông những điều gì. Về ngũ-thừa cộng-giáo (nhơn-thiên-thừa) thì đạo-lý nhơn-duyên quả-báo rất rõ-ràng, đủ bằng-cớ nơi cảnh hiện thiết, đủ kinh-nghiệm nơi tri-thức loài người. Đạo-lý ly-dục (rời ngũ-dục) tuy hơn một bậc nhưng vẫn dễ hiểu dễ nhận, không có điều gì bí-mật. Đạo-lý ly-thân (rời thân-thể) thì có cao hơn nhưng chẳng đến nỗi quá lường suy-xét của loài người.

Về tam-thừa cộng-giáo (thanh-văn-thừa, duyên-giác-thừa), đạo-lý nhơn-duyên sanh-diệt rất dễ nhận nơi hiện thiết. Khổ-đế tập-đế, đạo-đế, tuy hơi khó hiểu, nhưng không đến nỗi quá tâm-lượng loài người. Duy về Diệt-đế, đạo quả hữu-dư-y-niết-bàn của sơ-quả thì đã có phần khó nhận một chút, còn đạo-quả vô-dư-y-niết-bàn của Tứ-quả thì cần phải có tu-hành mới nhận hiểu được; vậy đạo-quả vô-dư-y-niết-bàn cũng chỉ bất-tư-nghì cho những bậc sơ-phát-tâm chưa thiết-thiết tu-hành mà thôi.

Về Đại-thừa-bất-cộng-giáo (bồ-tát-thừa) thì có khó hiểu hơn, song những đạo-lý cơ-sở như thường-trú chơn-tâm, duyên-khởi vô-tánh, duy-thức biến-hiện, pháp-giới trùng-trùng, đều có thể phổ-bày một cách rõ ràng cho những bậc càng-tri thông-minh chớ cũng chẳng có gì là bí-mật. Về đường tu của Đại-thừa thì từ sơ-phát-tâm đến càng-huệ-địa không có gì là khó hiểu từ càng-huệ-địa lên sơ-địa-bồ-tát thì những

bực quyết-chỉ tu-hành đều có thể hiểu rõ ; từ sơ-địa đến bát-địa, cho đến đẳng-giác-bồ-tát thì cần phải tu-tập đoạn-trừ lần các thành-kiến rồi mới có thể hiểu thấu. Từ đẳng-giác sắp lên là các bậc phát-thân Bồ-tát, diệu dụng rộng-lớn bao-la cả vũ-trụ, chỉ có thể mường-tượng chớ không thể nhận rõ với cái tâm-trí có hạn-lượng của loài người.

Song tâm-trí có hạn-lượng hay không hạn-lượng là tự nơi mình ; nếu chúng ta quyết chí tu-tập, phá trừ các điều ràng-buộc của hạn-lượng, của đối-đãi thì cũng có thể nhận rõ diệu-dụng của các bậc phát-thân bồ-tát, vì tâm chúng ta có thể tiến-hóa lần đến cực-điểm chớ không phải chỉ cuộc vào hạn-lượng của nghiệp người.

Lý-nghĩa bất-tư-nghì của đạo Phật là vậy. Cách phân-biệt chánh-pháp với tà-pháp là: Chánh-pháp bắt đầu từ chỗ dễ hiểu mà đưa lần đến chỗ khó hiểu cho đến chỗ chưa thể hiểu ; còn tà-pháp thì bắt tin suông những sự bí-mật không cho bàn-giải, rồi nương chỗ tin suông ấy mà lập thành đạo-lý.

Vậy ngoại-đạo không thể so-sánh các điều bí-mật của họ với lý-nghĩa bất-tư-nghì của đạo Phật.

VIÊN-ÂM



THÂN PHƯƠNG DIỆU DƯỢC

TẶNG CHO NGƯỜI HAY LO-SỢ

Ở trong thế-gian này, người can-dảm trăm-tính thì ít mà người hay lo sợ thì nhiều, hơi một tí thì lo, hơi một tí thì sợ, lo viễn-vong, sợ hảo-huyền, tuy biết rằng không sao sống hoải, dù trước dù sau rồi cũng phải về nơi «Tử-Địa», mà vẫn tham sống sợ chết. Tại sao vậy? — Tại chúng-sanh quên mất bản-tâm, nhận lầm giả-ảnh là thật, như đứa trẻ dại quên mất bản-thể cái gương, trở lại nhận bóng trong gương là thật. Sự lầm-lạc như thế gọi là vô-minh. Xét cho kỹ, chúng ta thấy sự lầm-lạc ấy thật không có nguyên-nhơn gì và hư-huyền hết sức.

Chúng-sanh vì vô-minh vô-nhơn và hư-huyền ấy, quên mất bản-tâm lầm nhận giả-tâm, vọng-tâm, huyền-cảnh làm thật, rồi tham-trước theo thân, theo cảnh, mà tạo nghiệp chịu khổ.

Chúng-sanh tham-luyến cảnh-vật như là thương con nhớ vợ, trục-lợi xu-danh hoặc tham-luyến chí-nguyên ý muốn của mình, đều tùy theo sở-thích mà tham-luyến. Đã theo sở-thích thì nguyên-do không ngoài lòng tham sống.

Bởi muốn sống rất thâm-thiết, nên người đời nghe đến chết thì rất đau lo buồn, sợ-hãi, nhất là trong lúc năm-châu khối tỏa, bốn biển sóng cồn, sự lo-sợ lại tăng-trưởng bội phần: có người lo chia-lia, lo nghèo khổ, có người lo không nơi nương-tựa, lo mất người yêu-thương, có người mất cửa-cái gia-tài hoặc mất danh-vọng quyền-thế vãn vãn....

Muôn vạn sự lo sợ khác nhau của muôn vạn người, rút cục đều bởi nguyên-nhơn tham sống. Trong những gia-đình

đồng-đạo, sự lo-sợ càng thấy đầy-nhảy: Ông lo cháu, cha lo con, chồng lo vợ, anh lo em; nhất là gặp khi tai-biến xảy tới thì thảm-trạng đau lòng khó mà tả cho hết được.

Vậy ai là người mắc bệnh lo-sợ nên nghiệm kỹ phương thuốc sau này, nghiệm rồi phải uống, có uống bệnh mới mong lành, nếu chỉ biết thuốc mà không uống thì chẳng khác nào như người không biết.

PHƯƠNG THUỐC TRỊ BỆNH LO-SỢ

Muốn dẹp trừ sự lo sợ thì cần phải tìm phương-pháp điều-trị để cho tâm ta được bình-tĩnh, trí ta được sáng-suốt và thân-thể ta được tráng-khiển. Phương-pháp điều-trị bệnh lo-sợ trong Phật-giáo không phải là ít, nhưng tôi chỉ trưng-bày những cái có thể thích-hợp với căn-cơ của đại-đa-số.

1.) Tin nhờn quả tội phước.

Tất cả những sự vật có tác-dụng, đều là vật-chất hay tinh-thần, đều có sanh có diệt, có tụ có tán, mà công-năng tiềm-tàng phát-khởi ra nó vẫn không gián-đoạn. Ví dụ như ngọn đèn điện có đồ có tắt (tác-dụng) mà điện-khí trong trời đất (công-năng) không bao giờ dừng-nght.

Tâm-niệm của ta, công-năng không bao giờ dừng-nght; hễ chúng ta huân-tập phát-triển công-năng về mặt thiện hay mặt ác thì mặt ấy có thế-lực hơn và sẽ phát khởi những tác-dụng lành hay dữ, mà chúng ta phải lĩnh thọ kết-quả trong đời này và đời sau. Một nhờn lành hay dữ gì đã gieo vào trong tâm-điền không thể nào không có kết-quả.

Nếu trước kia ta làm ác thì nay đâu có trốn-tránh cách nào đi nữa cũng vẫn bị quả khổ. Trái lại như trước kia ta làm lành thì nay dù không muốn hưởng, những kết-quả tốt cũng phát-sanh. Vậy thì giữa đời, may hay rủi, giàu hay nghèo, sang hay hèn, khôn hay dại, thọ hay yểu, đau

hay lành cho đến khi mệnh-chung, có người chết trẻ, có người chết già, có người chết mau, có người chết lâu, người chết nghiệp này, kẻ chết nghiệp khác, có người ở chốn chiến-trường, đầu tên mũi đạn mà chẳng sao, có người núp ở xó nhà mà vẫn bị binh đao sát hại vùn vùn... đều là kết quả của nguyên-nhơn từ trước; những nguyên-nhơn rất phức-tạp, rất sâu-xa mà trí-não người đời khó lòng mà xét thấu.

Phật dạy: « Chúng-sanh theo nghiệp mà thọ báo; nghiệp lành nghiệp dữ theo người, như bóng theo hình không sao tránh khỏi ».

Người đời ^{thường} rờ lý nhơn-quả thường đồ cho thời-vận, cho may-rủi hoặc cho ma-quỉ thánh-thần vào...vào...; chúng ta học Phật đã rõ lý nhơn-quả hãy tin nơi việc của ta làm. Vậy đâu không lo-sợ mà trước ta không tạo nhơn thì tai-họa thế nào cũng không xảy đến; còn nếu nhơn đã gieo từ trước thì lo-sợ cũng vô-hiệu-quả. Do đó nên Phật dạy rằng: « Người tu-hành không bao giờ sợ quả mà chỉ sợ nhơn »

Hiểu lý nhơn-quả như vậy thì không còn lo-sợ sự may-rủi có thể xảy ra, tâm-hồn được an-vững, bao giờ cũng lo gieo nhơn lành, và đời người đã đỡ khổ hiện-tại mà lại được hưởng phước báo về tương-lai nữa.

2.) Tin lý cảm-ứng.

Tâm Phật và tâm chúng ta vẫn đồng một thể; chỉ vì Phật ngộ lý chơn-như, chứng thể bất-sanh bất-diệt, vô-khứ vô-lai, nên tâm Phật trong-sạch sáng-suốt, toàn-trí, toàn-nguyên, dù thác-sanh vào cõi Ta-Bà giáo-hóa chúng-sanh mà vẫn an-trú trong thể hoàn-toàn thanh-tịnh là cảnh Niết-Bàn. Trong kinh dạy: « Phật hằng Niết-bàn ở trong sanh-tử » là thể.

Nay ta đã tin nơi tâm ta có phật-tánh thì ta hãy gắng sức tu-trì, chí-tâm niệm Phật, cầu Phật gia-hộ cho tâm-tánh ta được bình-lĩnh vững-vàng để đối-phó cùng hoàn-cảnh.

Ta phải tin ở lý cảm-ứng, nghĩa là mình thương người thì người thương mình, mình nhớ người thì người nhớ mình, in như hai luồng điện vô-tuyến hấp-dẫn nhau.

Vậy chúng ta muốn tâm Phật cảm-ứng với tâm ta thì ta cần phải niệm Phật, tưởng Phật, cầu Phật, cảm Phật. Ta sẽ thấy tâm ta yên lặng, trí ta nhẹ-nhàn, hăng-hái vui vẻ bước tới con đường giải-thoát; công-đức càng ngày càng sanh, phiền-não càng ngày càng diệt, thì tai-ách càng ngày càng tiêu, không có gì đáng lo-sợ nữa.

Trong các lối tin Phật, cảm Phật, có một pháp-môn rất giản-dị, ai ai cũng có thể dễ nhớ dễ làm, song cốt-yếu phải làm cho chuyên-cần, cho chí-kính chí-thành thì mới có hiệu-quả; phép ấy tức là pháp-môn niệm Phật vậy.

Khi niệm chỉ chuyên-tâm vào lục-tự Di-Đà :

« NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT »

không thấy một cái gì khác, không nghe một tiếng gì khác, phải ngưng thần định-trí lại. Lời xưa nói : Tâm định thì phước sanh ; tâm loạn thì phước tán.

Nếu chúng ta không chí-tâm tin Phật, niệm Phật thì tâm-hồn điên-đảo, phiền-não đầy-dẫy, sanh ra làm bảy nghĩ cang và mua chuộc tai-họa cho mình ; chỉ bằng nhất tâm tin Phật, niệm Phật, gởi cả đời ta cho Phật thì lo gì không được Phật hộ-trì cho sớm giác-ngộ.

Huống chi tâm ta không bao giờ gián-đoạn (nói về đệ-bác-thức) ; sau khi thân tan-rã, tâm chỉ tùy theo nghiệp-báo thiện hay ác mà thọ-sanh trong các cảnh lành hay dữ.

Vậy một đời ta chí-tâm tin Phật niệm Phật mà không vắng-sanh về cảnh-giới Phật thì chẳng hóa ra trái với lý nhơn-quả, trái với lý cảm-ứng hay sao ?

Nói tóm lại phép niệm Phật có thể đưa người ta từ chỗ tối-tăm đến chỗ sáng-sủa, từ chỗ điên-đảo đến chỗ thanh-tịnh, từ chỗ phiền-não đến chỗ bồ-đề, từ chỗ mê-lầm đến chỗ giác-ngộ, không có gì đáng lo-sợ nữa cả. Vậy chúng ta đương mắc bệnh lo-sợ há lại không tin Phật niệm Phật hay sao ?

3.) Tin tự-tánh Phật

Ta nên biết ở trong tâm-hồn ta có một sức mạnh thiêng-liêng, sức ấy đánh-đổ hết cả sự sợ-hãi yếu-hèn và đem lại cho tâm-hồn ta sự yên-tĩnh nhẹ-nhàn. Nếu ta nhận thấy sức thiêng-liêng ở tâm-hồn ta thì ta sẽ sống một cảnh-giới an-lạc vui-vẻ là thường. Sức ấy sẽ cho ta bao nhiêu tánh bạo-dạn tánh bình-tĩnh không lay-động, dù gặp cảnh-ngộ éo le đến đâu ta cũng an-vui tự-tại. Sức thiêng-liêng ấy là Phật-tánh của ta vậy.

Ta sợ-dĩ còn yếu-hèn, còn xao-động, là vì chưa nhận ra Phật-tánh nơi ta ; Do đó mới nương ở cảnh-giới ngoài mà đắm-chấp, hễ cảnh thay-đổi thì tâm ta thay-đổi, cảnh lay-động thì tâm ta lay-động, tâm ta đã không chuyển được cảnh lại cứ bị cảnh nó chuyển tâm.

Nay muốn hết lo sợ, ta cần phải quan-sát rằng : ngoại-cảnh nội-thân cho chí mỗi mỗi tâm-niệm cảm-giác phân-biệt đều giả-dối, đều hư-huyễn, nương nhau, đối-đãi nhau mà sanh nhưng chỉ là vọng-sanh, xa lìa nhau mà diệt nhưng chỉ là vọng-diệt, thiệt ra không có một cái gì thiệt sanh thiệt diệt. Cho đến cái tánh biết cũng nương với cảnh giả-dối kia mà hiện thì nó cũng chỉ là huyễn-hiện. Các huyễn-hiện sanh-diệt như hoa đốm giữa hư-không, nên tự-tánh vẫn là Phật-tánh bất sanh bất diệt.

An-trú trong Phật-tánh bất diệt bất sanh, thấy hết thấy đều như hoa đốm thì có gì mà sanh mà tử, huyễn nữa là sợ là lo và trong sự khổ-não hiện thế, ta sẽ nhận được sự an-lạc vô cùng vô tận.

4.) Lý vô-sanh

Vạn-pháp đều do tâm-sanh, tâm có tạo-tác mới thành vạn-pháp, nếu tâm được vô-sanh tức vạn-pháp đều yên-lặng.

Như chúng ta đau mắt, thấy giữa hư-không có hoa đốm lằng-nhăng; nếu không đau mắt thì thề hư-không vẫn yên-lặng. Khi ấy mới biết hoa đốm trước kia vẫn không sanh, nên nay cũng không có chi đáng diệt, chỉ vì đau mắt mà vọng thấy có sanh, hết đau mắt mà vọng thấy có diệt đó thôi. Thấy thiệt có sanh là phạm-phu chấp-trước; thấy thiệt có diệt là nhị-thừa cảnh-giới, thấy huyền sanh huyền-diệt như hoa đốm là sai-biệt-tri của Bồ-tát, mà thề-tánh bất-diệt bất-danh là căn-bản-tri của đại-thừa. Căn-bản và sai-biệt không hai, thề và dụng không khác, toàn sắc mà tức không, toàn không mà tức sắc, chỉ vì phạm-phu và nhị-thừa chấp-trước đó thôi.

Nhơn sự chấp-trước mà chúng-sanh thấy sanh diệt có thề chia ra bốn thời-kỳ là: thành, trụ, hoại, không; thấy vạn-pháp trong vũ-trụ đều trải qua thời-kỳ sanh-thành, thời-kỳ an-trụ, thời-kỳ hủy-hoại, cho đến thời-kỳ tiêu-tan, rồi vì nghiệp-lực lại sanh ra rồi diệt đi, cứ như thế mãi. Xét ngay một đời sống của thân ta, thì từ khi sanh ra gọi là thành, khi lớn gọi là trụ, khi già bệnh gọi là hoại, khi chết rồi gọi là không, còn nói rộng ra thì sơn-hà đại-địa đều thành trụ hoại không như vậy cả.

Song bản-thê của thiên-hình vạn-trạng biến diệt vô-thường ấy thật là bất-sanh bất-diệt, không thêm không bớt, không mất không tan, không ly không hiệp; thề-tánh ấy tức là thường-trú chơn-tâm, nguồn gốc của vạn-vật.

Nếu ta ly được tâm-niệm trần-cấu, cái tâm-niệm chấp thiệt-ngã thiệt-pháp, thì chúng ta sẽ thấy tất cả những cảnh hữu-lậu (cảnh giới chúng-sanh) và vô-lậu (cảnh-giới Phật),

đều như hoa đốm, mà tự - tánh vẫn bất - diệt bất - sanh đầy khắp cả hư-không, bình-đẳng không lay động. Khi ấy mới biết như lời Phật dạy : « thế-gian như việc trong mộng » ; Ví-dụ như khi chúng ta chiêm-bao thấy có muôn hình vạn trạng là vì ngũ mê, đau mắt thấy hoa đốm là vì bệnh ; vì ngũ mê và vì bệnh mà thấy, chứ thiệt ra hoa đốm và cảnh mộng không bao giờ có sanh có diệt ; không sanh-diệt là chơn-thường, như Phật nói trong kinh Pháp-Hoa « Tướng thế-gian là thường-trú ».

Người tu-hành quán-sát được cách này và tăng-tiến mãi đề diệt-trừ tập-khí chấp thiết-ngã thiết-pháp trong hằng ngày, thì thấy hết thấy thân-tâm, cảnh-vật, mình, người, bỉ thử, đều vắng-lặng, giác-ngộ bản-tánh khi tâm mới khởi, không có năng sở, trí lý, không có hai tướng, viên-dung một thể. Như trong luận Đại-thừa-khởi-tín nói : « Giác tâm mới khởi lên, tâm không tướng ban-sơ (sanh tướng vô-minh) » là vậy. Đó mới thiệt là chứng lý vô-sanh.

Vô-sanh, không năng-sở, không thân-cảnh thì lấy đâu mà sanh-tử, lấy đâu mà lạc-sợ.

Trong Bát-nhã-tâm-kinh nói : « Tâm không quái-ngại (vì hết thấy là không, là vô-sanh) nên không e-sợ », mà chúng ta còn lo-sợ là vì còn vọng-chấp thiết có diệt có sanh.

Vậy ai mắc bệnh lo-sợ hãy học lý vô-sanh, hiểu lý vô-sanh, tu lý vô-sanh đặng chứng lý vô-sanh như chư Phật.

Nói tóm lại lý nhưn quả, cảm-ứng, vô-sanh toàn là những thần-phương - diệu-dược đề trừ bệnh lo-sợ, và rộng ra cũng trừ sanh-tử luân-hồi cho chúng-sanh.

Sau khi viết bài này xong, tôi xin đốt nén tâm-hương, nguyện cho hết thấy chúng-sanh trong pháp-giới đều thành Phật-đạo.

Nam-mô Bồn-sư Thích-Ca Mư-Ni Phật.

Tịnh-tâm NGUYỄN-QUANG-HÙNG, Faifoo.

Nhất-tâm Bất-loạn

Duyên-khí.

Trong « Phật-thuyết A-Di-Đà kinh » có dạy : « Nền có người thiện-nam tín-nữ nghe nói đức Phật A-Di-Đà ghi-niệm danh-hiệu từ một ngày đến bảy ngày được nhất-tâm bất-loạn thì khi lâm-chung, Phật và thánh-chúng sẽ tiếp-dẫn về Tây-phương Cực-lạc thế-giới ». Nhơn công-hạnh thì ít, hiệu-quả thì nhiều, nên một phần đông tín-dồ Phật-giáo muốn hiểu rõ thế nào là *nhất-tâm bất-loạn*.

Nhất-tâm bất-loạn nghĩa là một tâm chẳng tán-loạn. Chẳng tán-loạn, tức là không bị các phiền-não lay-động, bị các thành-kiến phân-biệt sai-khiến, đến nỗi tùy-trần tục-ảnh, tạo ra các nghiệp mê-đắm, chấp trước và về sau phải chịu các quả luân-hồi sanh-tử.

Còn một tâm là gì?

Bản thể của tâm thì như như bình-đẳng, ra ngoài thời-gian và không-gian, ra ngoài các số-mục, các hạn-lượng, các danh-từ, không thể nói là một hay không phải một. Thực-tướng của tâm thì rộng-lớn bao-la, hiện ra tất cả sự sự vật vật, nói lớn thì trùm cả vũ-trụ ; nói nhỏ thì không chút dấu-vết, nói không thì rõ rõ ràng ràng, nói có thì không thể chỉ bày, ra ngoài đối-đãi mà hiện đủ các đối-đãi, ra ngoài sanh-diệt mà hiện đủ các sanh-diệt, trong-sạch sáng-suốt, thiên-biến vạn-hóa, không có một sự gì vật gì ra ngoài được.

Vậy thể và tướng của tâm đều là tuyệt-đối, không lúc nào có hai nên cũng không lúc nào cần phải một, và lý-nghĩa nhất-tâm (một tâm) đây duy chỉ về cách dụng-tâm mà thôi.

BIỆN-MINH

Do chúng-sanh không nhận được tâm-thề tâm-tướng, cố chấp các thành-kiến, say-đắm các tướng-tượng nên nơi thề-tướng tuyệt-đối lại phát-sanh ra cái dụng đối-đãi. Dụng đối-đãi theo duyên mà sanh, theo duyên mà diệt, xoay-vần đeo-đuôi theo cảnh-vật, theo danh-tướng, hết niệm này sang niệm khác, hết việc này nghĩ việc khác, nên hằng ngày tán-loạn. Tán-loạn thì sự gì vật gì cũng hiểu biết một cách sơ-lược, khó bề tìm xét tột nguồn tột gốc. Tán-loạn thì ít sáng-suốt ; do đó, nhiều người lúc trẻ rất thông-minh mà đến lớn lại thua-kém chúng bạn, vì quá tán-loạn theo tình-dục.

Trái lại tâm định-tĩnh chừng nào thì càng sáng-suốt chừng nấy. Những sự hay mới trong các học-thuật toàn do ý-chỉ cương-quyết của những người đã chuyên-tâm về công-việc cho đến khi đủ trí sáng-suốt mà phát-minh.

Song cách chuyên-tâm ấy chỉ làm cho được bình-tĩnh trong một thời-gian ngắn-ngủi ; muốn thiết-thiết định-tĩnh, không có tán-loạn thì cần phải tu phép nhất-tâm mới được.

Phép tu nhất-tâm đại-khái có thể chia làm ba bậc là :

- 1.) Tâm nhất cảnh dụng.
- 2.) Tâm nhất tánh dụng.
- 3.) Tâm bất nhị dụng.

1.) **Tâm nhất cảnh dụng.** — *Tâm nhất cảnh dụng* là dụng tâm chuyên về một cảnh, không để cho dòng-ruồi đến cảnh khác. Nhà thời-miên chăm chú ngó ngón tay hoặc con mắt mình trong gương, đều tập về lối *tâm nhất cảnh dụng*. Trong đạo Phật, khi mới tập-định, tập-thuyền, tu phép sơ-tức (đếm hơi thở) vân vân..... đều tu theo phép ấy cả.

Lối tu này tuy là thế-gian-định, nhưng có hiệu-quả rất mau, vì thâu góp tất cả các tâm-niệm duyên-trần về một trần-cảnh nên cũng tránh được các sự tán-loạn. Lại có người không chuyên-tâm nơi một trần-cảnh ở ngoài mà chuyên-tâm nơi một cảnh do quán tưởng hiện ra như phép quán chủng-tử, quán nước, quán lửa vân vân... Các phép này chẳng những trị được lòng tán-loạn lại còn có thể giúp cho người tu-hành nhận thấy một điều cốt-yếu: là tâm có thể tạo ra cảnh. Tuy vậy, các phép đó còn trong vòng sanh-diệt, khi nhập-định thì nhất-tâm, khi xuất-định vẫn duyên-trần, nên chưa thiết dứt được sự tán-loạn.

2.) **Tâm nhất tánh dụng.** — Lối tu này cốt dụng tâm nơi một tánh của các cảnh, dầu cảnh gì cũng không cho ra ngoài tánh ấy. Như phép quán vô thường, quán muôn sự muôn vật đều có tánh vô-thường; phép quán không, quán muôn sự muôn vật đều có tánh không; phép quán như-huyễn, quán muôn sự muôn vật đều có tánh như-huyễn, thì đối với sự gì vật gì đều nhận tánh vô-thường, tánh không, tánh như-huyễn vân vân..., không nhận thiết có tánh gì khác, nên dầu trong lúc làm việc cũng vẫn có thể định-tĩnh, không bị hoàn-cảnh sai-khiến đến phải loạn-động.

3.) **Tâm bất nhị dụng.** — Phép quán vừa nói trên, tuy đã đủ làm cho loài người thoát khỏi các điều phiền-não, nhưng cũng còn cuộ tâm vào một tánh, chưa thiết tự-tại; hơn đó cũng khó bề nhận rõ toàn-thể, toàn-tướng, toàn-dụng của chơn-tâm. Muốn được toàn-thể, toàn-tướng, toàn-dụng của chơn-tâm thì cần phải tu phép *tâm bất nhị dụng*.

Bất-nhị là chẳng có hai; chẳng có hai không phải là một, vì một là đối với cái không phải một mà có, cho đến cũng không phải ba, bốn, chín, mười; chẳng có hai là ra ngoài tất cả các đối-đãi, chẳng những ra ngoài các đối-đãi thế-gian mà cũng ra ngoài các đối-đãi trong đạo-pháp nữa. Như trước kia quán tánh vô-thường, nhưng vô-thường còn đối-đãi với thường; quán tánh không những không còn đối-đãi với có; quán tánh như-huyễn, nhưng như-huyễn còn đối-đãi với chắc-chắn, các đối-đãi ấy toàn là tướng giả-dối, do tâm-niệm biến-hiện, không phải thật sự. Thật sự ra ngoài đối-đãi, ra ngoài tâm-niệm, không thể phô-bày, không thể suy-bàn, chỉ-chơn chỉ-diệu, không có thời-gian, không có không-gian, không có tâm, không có cảnh, không có ngộ, không có mê, mà cũng không có sự sự vật vật gì, dầu một hạt bụi, một giọt nước, là ra ngoài thật sự. Chỗ tuyệt-đối ấy bình-đẳng, đến nỗi không còn bất-bình-đẳng, ra ngoài các hạn-lượng, các danh-tướng nên diệu-dụng to-tát: hiện ngàn triệu thế-giới trên đầu một sợi lông, đem vô-lượng chúng-sanh vào một vi-trần đề thuyết-pháp hóa-độ, kéo một sát-na lâu thành một kiếp, thân một kiếp vào một sát-na, mà lớn nhỏ lâu mau vẫn không trở ngại gì nhau, vì đã thoát ngoài vòng đối-đãi. Diệu-dụng tuyệt-đối này là tuyệt-đối bất-loạn, không còn cảnh có thể làm loạn tâm, mà cũng không còn tâm có thể bị cảnh tán-loạn được.

Về phép tu tịnh-độ, thì tri-niệm danh-hiệu Phật, quán tướng-hảo Phật, quán cảnh tịnh-độ vân vân... đều thuộc về *tám nhất cảnh dụng*.

Quán tất cả các sắc là Phật-thân, tất cả các tiếng là Phật-hiệu, tất cả cõi ngũ-trược là thanh-tịnh vân vân..., đều thuộc về *tám nhất tánh dụng*.

Quán thân mình là một hóa-thân của Phật và phát-khởi ba nghiệp theo điều-dụng bất-nhị của Phật thì thuộc về *tám bất nhị dụng*.

Ba cách tu này đều được hiệu-quả *nhất tâm bất loạn*, mà đã nhất tâm bất loạn thì quyết-dịnh vãng-sanh về Cực-Lạc thế-giới.

Kết-luận.

Lối tu *nhất tâm bất loạn* rất có lợi-ích cho người tu-hành hễ tu phơn nào thì đặng quả ấy, mảy-mủn không sai.

Người đời thiếu trí-huệ là vì tâm thường tán-loạn; tâm ít tán-loạn chừng nào thì trí-huệ sáng-suốt chừng nấy. Trí-huệ sáng-suốt thì trừ được các sự ràng-buộc mà vãng-sanh về Cực-Lạc thế-giới, thì trừ được các điều mê-làm mà chứng được chơn-tâm, mà chứng được pháp-giới-tánh.

Vậy trông mong toàn-thể Phật-tử thiệ-hành tu-tập phép nhất-tâm đề lần hồi đến chỗ bất-loạn.

VIÊN-ÂM.

Kính cáo

Viên-Âm chúng tôi đương nghiên-cứu các vị Tổ-sư người Tàu qua truyền đạo trong xứ Annam một lần với ngài Thạch-Liên hóa-thượng. Vậy trong các độc-giải, ngài nào có hiểu rõ về sự tích của các ngài ấy, xin vui lòng gởi thư cho chúng tôi biết.

Chúng tôi rất cảm tạ.

VIÊN-ÂM

GIẢI-ĐỊNH-HUỆ

(tiếp theo)

Cái gió thanh cao hay cái gió thấp trước, đều can-thiệp đến kính, chỉ khác nhau là cái sạch cùng dơ đó thôi ; chừng nào làm cho kính đứng vững không thề lay động tức là động diệt thì định sanh, dầu có gió cũng như không gió, đó là bát-phong-lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc, gió. Tâm-ly-dục là chỗ cao, tâm nhiễm-ô là chỗ thấp, cái kính đứng vững tức là tâm định, dầu có bát-phong cũng như không, chẳng hề lay động.

Trong khi định-tâm đây, chẳng phải là tâm mê-mang không biết gì đâu ; ấy là tâm yên lặng trong-sạch, không còn bị các vọng-niệm phân-biệt, sai-khiến mà thôi.

Tỷ như cái kính đứng yên trên cao ngoài trống, lúc nào cũng đứng vững mà lại bày tỏ cái sáng ra.

Cái kính đó chẳng phải cần lặng gió mới được yên-tĩnh, mới được trong sạch.

Huệ. — Huệ là cái thông-minh của tự-tách, ai ai cũng đều có mà lại vẫn trường-tồn nữa, song tâm phải tu-hành bền-bỉ thì nó mới phát-hiện ra một cách chơn-chánh viên-mãn. Khi chánh-huệ sanh ra, nghĩa là tự-tánh rõ biết tự-tánh, thì không hề rời tâm, như các huệ thế-gian, nghĩa là như đều hiểu biết nhờ văn-tự, khi có văn-tự thì có, khi lìa văn-tự lâu ngày thì quên hết.

Người tu-hành tinh-tấn, đứng theo chánh-pháp thì được cái chánh-huệ thông-minh sáng-suốt, soi vào đâu đều lão lão rõ thông nguồn cội, mà tâm vẫn chơn-thường, không xiêu theo thất-tục mà sanh ra phơn, ngã, ưa, ghét, có thề thành tâm độc.

Chánh-huệ cũng như mặt trời soi khắp cả thế-gian, chẳng nề chỗ thanh-trược, chánh-tà, thiện, ác cho hết, mà vẫn thanh-tịnh sáng suốt luôn luôn.

Phép tu huệ cần phải trong hàng ngày tuân theo giới-luật, giữ tâm định-tĩnh, tham học đạo-lý cho tường-tận, rồi nương theo xét rõ tánh chơn-thường của tự-tâm, tánh chơn-thường của vũ-trụ. Khi nhận được tánh chơn-thường là thế nào rồi, phải nương theo tánh ấy mà tri-diệt các vọng-tinh ưa ghét, các vọng-tướng phân-biệt, nghĩa là trừ-diệt cội-gốc các phiền-não, các kiết-sử đề lần lần khế-hiệp với bản-tánh viên-thường.

Gốc của Huệ là ở trong Giới và Định mà hiện ra, vì nếu không có Giới, Định thì tâm thường tán-loạn theo hoàn-cảnh, không thể phát-sanh tứ-huệ, nhưng cũng cần phải tu huệ rồi mới được Huệ.

Đều trở-lực cho sự tu huệ là suy-xét việc đời thường sai quấy khổ-não, cao thì dè thấp, mạnh thì hiếp yếu, tạo thành làm đều tội-ác; lại quang-sát sự vật vô-thường, thân-thiền-giả yếu, quyến-thuộc chia rẽ; làm cho con người mai thì chịu nhiều sự đau-dớn. Hiểu được vậy thì chán-ngán c ^{tức} mỗi tranh-danh đoạt-lợi mà hồi-tâm hướng-thiện, rồi sự ^{li-Ba} giới luật mới tinh-khiết và định-tâm mới tinh-tấn mau thành-tựu. Nhờ cái giới tinh-khiết và cái định tinh-tấn đó, mà cái huệ rõ-ràng thêm hoài; cả ba phép nương nhau, mà đến lần tâm-tánh thành bậc chánh-đẳng chánh-giác, nghĩa là thành cái tâm chơn-chánh bình-đẳng, hoàn-toàn trong-suốt.

Cái tâm con người nhiễm ở trong cảnh, bị sắc-trần phủ lấp cái tri-huệ cũng tỷ như cái kiến mà ở trong chỗ bụi, bị nó phủ lấp trên cái mặt sáng đó vậy. Nếu muốn cho cái sáng-suốt của kiến được thường hiện thì phải làm cho kiến được thường sạch, nghĩa là trước ngăn đón dùng cho

bụi đóng thêm và lần đem ra ngoài chỗ có bụi, rồi mới
tìm phương lau chùi thật sạch đặng cho sáng lại để mà
dùng.

Ngăn đón bụi tức là tri-giới, phương-thể lau chùi kiến
là tu huệ, đem đến chỗ sạch tức là tu định; còn cái sáng
của kiến hiện ra tức-là tri-huệ sáng suốt.

Giới-Định-Huệ phải đồng thời tu-tri mới mau có hiệu quả,
chớ tri một giới suông, không tu định-huệ, thì chỉ được
phước báo thế-gian và lại còn e không được bề-bĩ rồi
phải thối-tâm.

HUỆ-CHƠN Cư-sĩ (Phnom-Penh)

KÍNH CÁO

Các tỉnh hội An-Nam Phật-Học và
các hội-viên, muốn in giấy-
má, sô-sách hoặc xuất-bản
sách Phật, nhà-in Mirador
“Vien-De” sẽ tính giá riêng.

TIN TỨC TRONG HỘI

Tỉnh-hội Nghệ-An

Ngày 19 tháng giêng năm 1941 (tức là ngày 22 tháng chạp năm Canh-thìn) tỉnh-hội Nghệ-An đã nhóm đại-hội-đồng thường-niên bầu-cử ban Trị-sự như sau này :

Chánh-hội-trưởng :	MM. Bùi-khắc-Minh
Phó-hội-trưởng :	Đinh-văn-Chấp
Chánh-thor-ký :	Tôn-thất-Khâm
Phó Thor-ký :	Trần-Quát
Chánh chưởng quỹ :	Vũ-hưng-Long
Phó chưởng quỹ :	Nguyễn-trí-Đao
Cố-Vấn :	Ưng-Thai
Kiểm-Sát :	Phạm-mạnh-Hoàng
	Bùi-đình-Dinh
	Đầu-ngọc-Khánh
	Nguyễn-văn-Diệp
	Tôn-thất-Trinh
	Phạm-quỳnh-Anh
	Trịnh-đình-Minh

Nữ hội-viên kiểm-sát : M.Mmes Nguyễn-thị-Huyền tức bà Hường - Minh, Lê-thị-Đạm-Tú tức bà Thị-Tùng, Nguyễn-thị - Lương - Du tức bà thị Hoàng, Nguyễn-thị-Cầm tức bà Ban Oánh, Hoàng-thị-Ba tức bà Hồng.

Tỉnh-hội Quảng-Bình.

Ngày 27 tháng 11 năm Canh-Thìn (25 Décembre 1940) tỉnh-hội Phật-Học Quảng-Bình nhóm đại-hội-đồng thường-niên đề bầu cử ban Trị-sự, kết-quả như sau này :

Chánh-hội-trưởng :	Cụ Nguyễn-văn-Quy
Phó-hội-trưởng :	Ông Đinh-Hy
Chánh-thor-ký :	Hoàng-mạnh-Châm
Phó Thor-ký :	Hoàng-Đài
Chánh thủ-quĩ :	Quách-Tổ-âm
Phó-thủ quỹ :	Hoàng-Hoa
Cố-vấn đạo-hành :	Thầy Phồ-Minh

Cố-vấn cư-sĩ : Ông Bùi-Chương
Kiểm-sát : Nguyễn-Liên, Đặng-Treo,
Phạm-xuân-Triển, Hoàng-Diệm

Tỉnh-hội Quảng-Trị

Ngày 8 Décembre 1941, tỉnh-hội Quảng-trị đã nhóm đại-hội-đồng thường niên đề bầu-cử ban Trị-Sự năm 1941 như sau này :

Chánh-hội-trưởng : MM. Trần-đạo-Tế
Phó-hội-trưởng : Lê-khắc-Thái
Cố-vấn giáo-lý : Thầy Phúc-Huệ
Cố-Vấn : MM. Nguyễn-viết-Hiệu
Trần-khắc-Cần
Chánh-thơ-ký : Đồ-nguyên-Thiệu
Phó thơ-ký : Tôn-thất Dương-Vân
Chánh Chương-quĩ : Nguyễn-Tế
Phó Chương-quĩ : Nguyễn-Tâm
Kiểm-sát : Trần-mậu-Trình, Hồ-Tư, Hồ-
Đôn, Nguyễn-văn-Tổ, Lê-Phan,
Hồ - Trác, Trương - văn - Yên,
Lê-Du, Lê-bá-Gián.

Tỉnh-hội Thừa-Thiên.

Ngày mồng 5 tháng giêng năm 1941, tỉnh-hội Thừa-thiên đã nhóm đại-hội-đồng thường-niên đề duyệt tài-chánh năm 1940 và bầu ban Trị-sự năm 1941 như sau này :

Chánh-hội-trưởng : Cụ Đặng-văn-Hướng
Phó-hội-trưởng kiêm kiểm-duyet tài-chánh : Ông Lê-đức-Trạm
Pháp-luật cố-vấn : MM. Trần-kiêm-Lý
Chánh-thơ-ký : Tôn-thất-Tùng
Phó-thơ-ký : Mai-quang-Cần
Chánh chương-quĩ : Lê-đình-Hạnh
Phó chương-quy kiêm việc phát-hành Viên-âm : Phan-q-Quyền
Kiểm-sát ban truyền-bá : Thầy Mật-thê, Ông Lê-đình-Thám
Kiểm-sát ban pháp-sự : Thầy Từ-quang, thầy Từ-Vân.
Kiểm-sát ban lễ-nghi : Hoàng-đình-Liệu, Phan-văn-Yêm.
Kiểm-sát ban giao-thiệp : Hồ-đắc-Hạp, Võ-đắc-Tuyên
Kiểm-sát ban Cứu-tế : Nguyễn-đăng-Minh, Cao-hữu-Hỹ

Tỉnh-hội Quảng-Nam.

Ngày 8 Décembre 1940, tỉnh-hội Quảng-Nam đã nhóm tại giảng-đường đề bầu-cử ban trị-sự mới năm 1941, kết-quả như sau này :

Chánh-hội-trưởng :	Ông Nguyễn-quang-Hùng
Phó-hội-trưởng :	Phạm-phú-Dũng
Chánh-thor-ký :	Tôn-thất-Lang
Phó-thor-ký :	Trần-dinh-Thấu
Chánh chương-quĩ :	Trần-xuân-Vĩnh
Phó chương-quĩ :	Trần-duy-Trinh
Cố-Vấn :	Dương-dinh-Liêu, Trần-bá-Quát Đoàn-công-Bá, Trịnh-văn-Đăng, Lê-văn-Hồ.
Kiểm-sát :	Lý-xuân-Sanh, Trần-dinh-Cư, Phạm-Nhận, Lê-dinh-Khôi, bà Lý-ngọc-Trần, bà Thái-phương.
Chứng-minh đạo-sư :	Thầy Dương-thiện-Quả
Cố-vấn đạo-hạnh :	Thầy Phồ-Tri

Tỉnh-hội Quảng-Ngãi.

Ngày 15 Janvier 1941, tỉnh-hội, Quảng-Ngãi cũng nhóm đại-hội-đồng thường-niên đề bầu ban Trị-sự mới, kết-quả như sau này :

Chánh-hội-trưởng :	MM. Hoàng-mộng-Lương (tái-cử)
Phó-hội-trưởng :	Phạm-văn-Hội (tái-cử)
Chứng-minh đạo-sư đạo-hạnh cố-vấn :	Ngài-tăng-cang Trần-diệu-Quang.
Chánh-trị cố-vấn :	Louis Liverset
Chánh-thor-ký :	Phạm-dinh-Thi
Phó-thor-ký :	Hoàng-Cát
Chánh chương-quĩ :	Hoàng-khắc-Chênh
Phó chương-quĩ :	Lê-dinh-Bắc
Văn-chương cố-vấn :	Nguyễn-hoài-Hối
Mỹ-thuật cố-vấn :	Đồng-sĩ-Nga

Pháp-luật cổ-văn	:	Đoàn-Tự
Kiến-trúc cổ-văn	:	Trương-quang-Lu, ễn
Kế-toán cổ-văn	:	Nguyễn-Cư
Kiểm-sát	:	Tôn-thất-Kiều
		Nguyễn-kỷ
		Châu-văn-Phi
		Mai-văn-Cổ ễn
		Tạ-Hoảng

Tỉnh-hội Bình-Định.

Ngày 12 Janvier 1941, tỉnh-hội Bình-Định cũng nhóm tại chùa Long-Khánh đề bầu-cử ban trị-sự mới về dịp đại-hội-đồng thường niên năm 1941, kết-quả như sau

Chánh-hội-trưởng	:	M. Nguyễn-mạnh-Trùng
Phó-hội-trưởng	:	M. Nguyễn-văn-Thông
Đạo-hành cổ-văn	:	Thầy Minh-Tịnh
Cổ-văn	:	MM. Trần-sanh-Thại
		Nguyễn-xuân-Thanh
		Phan-vo-Thanh
Chánh-thơ-ký	:	MM. Nguyễn-đăng-Vanh
Phó-thơ-ký	:	Phạm-văn-Thanh
Chánh-chưởng-quĩ	:	Nguyễn-xuân-Ba
Phó-chưởng-quĩ	:	Nguyễn-hữu-Cư
Kiểm-sát	:	Lâm-bình-Tĩnh
		Ông-văn-Tung
		Dương-văn-Tu
		Hồ-văn-Ba
		Châu-viết-Can
		Nguyễn-Mai
		Hoàng-văn-Fuyên
		Ngô-dinh-Hòa
		Nguyễn-tăng-Hoảng.

(còn nữa)

DẦU KHUYNH - DIỆP

Là thứ dầu đã nổi tiếng 14 năm nay. Nhưng khéo kéo làm các thứ dầu khác, vì họ thấy dầu *Khuynh - Diệp* chạy, mà đặt tên hoặc ra toa nhãn tương tự như *Khuynh - Diệp* để người vô ý phải lầm.

Khi sai người nhà đi mua dầu, nhớ dẫn kỹ mua đúng Dầu *Khuynh - Diệp* hiệu Viên-Đệ, nơi nhãn có vẽ hình ông già chống chai dầu.

NHA - IN MIRADOR (VIÊN - ĐỆ)

TUY LÀ MỘT NHÁNH PHỤ CỦA HIỆU

KHUYNH - DIỆP

Lập ra cốt để in giấy-má, toa-nhãn cần dùng trong việc phát-hành các thứ dầu, nhưng nhà-in Mirador là một nhà in lớn, có đủ máy móc tối tân lại có nhiều lối chữ rất khéo. Công việc làm mau chóng và đẹp đẽ, giá cả khi nào cũng phải chăng, nên phần nhiều các việc in của các sở công, sở tư, thường giao cho Mirador làm cả.

Các tỉnh-hội Annam Phật-Học và các hội-viên, muốn in giấy-má, sổ-sách hoặc xuất-bản sách Phật, nhà in Mirador "Viên-Đệ" sẽ tính giá riêng.

Hiệu dầu *Khuynh-Diệp* và Nhà-in *Mirador*, cùng một chủ-nhân : M. VIÊN-ĐỆ, *Industriel, Hué*.

Thơ-từ, đề : VIÊN-ĐỆ ở Hué ; Giấy-thép tác : VIENDE HUE ;
Giấy nói : 87

PHẬT-HỌC TÙNG-THU

CỦA HỘI ANNAM PHẬT-HỌC (S. E. E. R. B. A.)

Xuất-bản ba loại sách:

- Mục A : PHẬT-GIÁO THƯỜNG-THỨC
Mục B : PHẬT-GIÁO NGHIÊN-CỨU
Mục C : PHẬT-GIÁO KINH-ĐIỀN

Đã xuất-bản :

- Mục A — Quyền 1 : PHẬT-GIÁO và ĐỨC-DỤC
Giá 0\$10
Mục B — Quyền 1 : THIÊN-ÁC QUẢ-BẢO
Giá 0\$15

Sắp xuất-bản :

- Mục C — Quyền 1 : BÁC-NHĨA TÂM-KINH
Mục A — Quyền 2 : ĐỜI SỐNG VUI
Mục B — Quyền 2 : NHƠN-QUẢ LUÂN-HỒI

"Mua lẻ, xin do các tỉnh-hội và các chi-hội.

Tho-từ hải-vô, xin gởi cho :

Annam Phật-học-hội Tổng-trị-sự

Boite postale N° 73 à Huế.

Ngân-phiếu trả tiền sách, xin đề tên :

Monsieur TÔN-THẮT-TÙNG

Voierie Huế.

Muốn cho tiện, các ngài có thể đặt trước 1\$ hoặc 2\$, mỗi lần sách ra chúng tôi xin gởi thẳng sách đến khi nào hết số tiền đặt trước (tiền sách và cước phí).

Visa de 1^{re} Censure n°395 du 8-5-41.